

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

I. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông và Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên.

- Công văn số 4171/BGDĐT-GDTrH ngày 26/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn nội dung dạy học các môn chuyên cấp trung học phổ thông.

- Thông tư 22/2021/TT-BGD ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Kế hoạch số 260/KH-SGDĐT ngày 23/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai về việc tăng cường triển khai nhiệm vụ thực hiện mô hình điểm thúc đẩy triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đề án 06 và Đề án chuyển đổi số của Sở GDĐT.

- Công văn 667/SGDĐT-GDTrH ngày 15/8/2025 của Sở GDĐT tỉnh Gia Lai về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông từ năm học 2025-2026.

- Công văn số 771/SGDĐT-VP ngày 20/8/2025 của Sở GDĐT tỉnh Gia Lai về việc triển khai kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Kế hoạch số 841/SGDĐT-GDTrH ngày 25/8/2025 của Sở GDĐT tỉnh Gia Lai về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026.

- Công văn số 958/SGDĐT-GDTrH ngày 29/8/2025 của Sở GDĐT tỉnh Gia Lai về việc quy định, sử dụng hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục và đánh giá xếp loại học sinh trung học từ năm học 2025-2026.

II. BỐI CẢNH

2.1. Tình hình đội ngũ viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên

- Tổng số viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên 75 người. Trong đó:

+ Viên chức quản lý: 03 người (Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng)

+ Giáo viên: 64 người được chia làm 08 tổ chuyên môn:

* Tổ Toán: 10 người.

* Tổ Ngữ văn: 09 người.

* Tổ Ngoại ngữ: 10 người.

* Tổ Vật lý - Công nghệ: 09 người.

* Tổ Hóa học: 06 người.

* Tổ Sinh học - GDTC: 07 người.

* Tổ Tin-GDQPAN: 05 người.

* Tổ Sử-Địa-GDKTPL: 08 người.

+ Nhân viên: 08 người. Biên chế có kế toán, văn thư, thiết bị, thư viện, y tế, giáo vụ. Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ có 02 bảo vệ và 01 tạp vụ.

- Chất lượng đội ngũ: 100% viên chức quản lý, giáo viên đạt chuẩn đào tạo và trên chuẩn. Trong đó có 56 thạc sỹ, chiếm tỉ lệ 83.58%.

- Năng lực chuyên môn:

+ Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 27 người.

+ Giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp tỉnh: 04 người.

2.2. Tình hình học sinh

Tổng số học sinh toàn trường: 922 học sinh/27 lớp. Trong đó:

Khối 10: 10 lớp với 335 học sinh.

Khối 11: 09 lớp với 302 học sinh.

Khối 12: 08 lớp với 285 học sinh.

2.3. Cơ sở vật chất trường học

- Có 27 phòng học (có 26 phòng có tivi, trong đó có 07 tivi tài sản riêng của lớp); có 06 phòng học bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, tiếng Anh và 02 phòng máy vi tính thực hành.

- 09 phòng Đội tuyển, 01 phòng chuyên gia, Hội trường, phòng họp, phòng Hội đồng.

- Khu nhà hiệu bộ: có đủ phòng làm việc cho cán bộ quản lý và nhân viên. 01 phòng y tế; 01 văn phòng Đoàn; 01 phòng thư viện trang bị đủ sách giáo khoa và sách tham khảo, phòng truyền thống.

- Khu sân chơi, bãi tập, nhà để xe cho học sinh rộng rãi, thoáng mát; 01 nhà thi đấu đa năng. 01 sân bóng mini cỏ nhân tạo; 08 nhà vệ sinh học sinh.

- 01 nhà thường trực bảo vệ cơ quan.

- Trang thiết bị dạy học: đảm bảo đủ các thiết bị dạy học tối thiểu.

4. Phân tích bối cảnh

Môi trường bên trong	Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)	Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường
Đội ngũ viên chức, người lao động của nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo nhà trường quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời mọi hoạt động trong nhà trường. - Tập thể viên chức, người lao động đoàn kết, kỷ cương, trách nhiệm và có năng lực chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt. 	Một số chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn chuyên.	Tập thể làm việc chưa đều.
Học sinh	Có đạo đức tốt, chăm ngoan, học giỏi.	Ý thức tự giác học tập và rèn luyện của một số ít học sinh chưa cao.	Ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục toàn diện và mũi nhọn nhà trường.
Tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở vật chất và tài chính cơ bản đảm bảo cho hoạt động dạy học và giáo dục. - Diện tích nhà trường đảm bảo. - Sân chơi, bãi tập, nơi tổ chức các hoạt động tập thể đảm bảo. 	- Nguồn tài chính để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, thực tế học sinh còn hạn chế.	- Việc rèn luyện kỹ năng sống, trải nghiệm thực tế đòi hỏi sự phối hợp tốt giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.
Truyền thông nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 năm 2024, luôn thi đua dạy tốt, học tốt. - Các cấp, các ngành ghi nhận về thành tích đạt được. 		
Những điểm mạnh, điểm yếu trong hoạt động dạy học	Tích cực triển khai các hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và giáo dục đáp ứng Chương trình GDPT 2018.	- Một số giáo viên còn dạy học và giáo dục theo lối cũ, ngại đổi mới phương pháp dạy học,	

		chuyển đổi số và ứng dụng CNTT, ít tích hợp, lồng ghép, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.	
Môi trường bên ngoài	Cơ hội (O)	Thách thức (T)	Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường
Trình độ dân trí và điều kiện giáo dục của địa phương và phụ huynh học sinh	Người dân địa phương có truyền thống hiếu học, cha mẹ học sinh quan tâm đầu tư cho việc học tập của con em.	Một số gia đình học sinh ở xa	<p>Nguy cơ vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội tăng cao; học sinh phải đối mặt với nhiều áp lực, có thể làm nảy sinh nhiều vấn đề rối loạn tâm lý, cảm xúc.</p>
Cơ sở chính sách, pháp luật của quốc gia và địa phương về giáo dục	Tỉnh và ngành Giáo dục có nhiều chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, quan tâm đầu tư cho giáo dục và đào tạo, quan tâm đến người học và đối tượng chính sách, có hoàn cảnh khó khăn.	Còn nhiều lao động có trình độ cao sau khi học không quay về địa phương.	
Sự phát triển kinh tế của địa phương và quốc gia	Điều kiện phát triển kinh tế ở địa phương tốt.	Tăng dân số cơ học, thay đổi môi trường sống, trật tự an ninh xã hội phức tạp hơn.	
Yếu tố văn hóa xã hội vùng/ miền dân tộc	Truyền thống văn hóa nhân ái nghĩa tình chăm lao động, hiếu học.	Sự du nhập của những yếu tố văn hóa mới không phù hợp; sự phát triển mạnh mẽ của Internet ảnh hưởng đến người dùng nếu không kiểm soát được.	
Yếu tố chuyển đổi số, CNTT và quốc tế hóa trong giáo dục	Khuyến khích phát triển CNTT trong hoạt động giáo dục.	Chưa kiểm soát được các mặt tiêu cực của mạng xã hội.	

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai thực hiện tốt chương trình GDPT 2018; tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục; chú trọng giáo dục STEM, đổi mới sáng tạo, ứng dụng hiệu quả trí tuệ nhân tạo AI, quan tâm giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng của học sinh; tăng tỷ lệ học sinh có kết quả học tập giỏi và học sinh đạt học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia; giữ vững chất lượng giáo dục mũi nhọn. Đoàn kết, sáng tạo, ra sức phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đổi mới, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

- Trang bị cho học sinh có được các phẩm chất chủ yếu và năng lực, giá trị cốt lõi của nhà trường. Chú trọng năng lực vận dụng kiến thức khoa học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng nhu cầu cuộc sống hiện tại và tương lai một cách linh hoạt. Chú trọng đào tạo chất lượng mũi nhọn cho học sinh đạt kết quả cao trong các kỳ thi, cuộc thi do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức, thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng các cấp, thi học sinh giỏi Duyên hải đồng bằng Bắc bộ, thi Olympic truyền thống 30/4 và thi Học sinh giỏi Quốc gia và các cuộc thi khác.

- Tổ chức các hoạt động thể thao, văn hóa nghệ thuật và các hoạt động khác để phát huy tối đa năng khiếu và năng lực của từng cá nhân học sinh.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục, hướng nghiệp, dạy kỹ năng sống, giá trị sống, các hoạt động giáo dục theo chủ đề để hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh.

- Phối hợp các hoạt động giáo dục và đào tạo của Nhà trường nhằm làm cho học sinh tốt nghiệp phổ thông có năng lực tự học, năng lực tư duy, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, biết cảm thụ cái đẹp, sáng tạo, dám nghĩ dám làm và giao tiếp thuyết phục.

3. Chỉ tiêu

3.3.1. Đối với học sinh:

a) Về rèn luyện: loại Tốt: 100%; không có loại Đạt hoặc Chưa đạt.

b) Về học tập: loại Tốt từ 95% trở lên; loại Khá dưới 5%; không có loại Đạt hoặc Chưa đạt. Có xấp xỉ 60% học sinh đủ điều kiện được nhận học bổng.

c) Các chỉ tiêu khác:

- Học sinh lớp 12: 100% tốt nghiệp THPT.

- Thi HSG cấp tỉnh: đạt 60% tổng số học sinh dự thi trở lên.

- Môn chuyên có 50% trở lên trong ĐT chính thức dự thi HSG quốc gia.

- Thi HS giỏi quốc gia: đạt 36 giải trở lên (Văn 03, Tiếng Anh 06; Toán 05; Lí 04; Hóa 06; Sinh 03; Tin 04; Sử 03; Địa 02).

- Thi KHKT cấp tỉnh đạt 04 giải (Ngữ văn: 01; Vật lí: 01; Sinh học: 01; Tin học: 01). Có 01 dự án tham gia Cuộc thi KHKT cấp Quốc gia.

- Đạt 04 giải thi sáng tạo TTNNĐ cấp tỉnh.

3.3.2. Đối với cán bộ, giáo viên:

a. Đánh giá, phân loại viên chức:

- Loại Xuất sắc: số lượng 15; tỷ lệ 20,00%
- Loại Tốt: số lượng 60; tỷ lệ 80,00%

b. Xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp:

- Loại Tốt: số lượng 67; tỷ lệ 100%
- Loại Khá: số lượng 0; tỷ lệ 00%

c. Danh hiệu thi đua cá nhân:

- Lao động tiên tiến: số lượng 75; tỷ lệ 100%.
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: số lượng 11 tỷ lệ 14,67%.
- Mỗi tổ CM có ít nhất 01 sáng kiến cấp ngành và 01 chuyên đề tham gia khu vực duyên hải và ĐBBB.
- 15 GV được tặng Giấy khen của GD Sở GDĐT.
- 02 GV được tặng Bằng khen của UBND tỉnh.
- 01 GV được tặng Bằng khen của Bộ GD.

3.3.3. Đối với nhà trường và các đoàn thể:

- Trường đạt danh hiệu: Tập thể lao động xuất sắc; được UBND tỉnh tặng Bằng khen.
- Đoàn TNCSHCM hoặc Hội LHTNVN được Trung ương Đoàn, Hội tặng Bằng khen.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

4.1. Biên chế lớp học, lựa chọn môn học, danh mục sách giáo khoa

a) Đối với học sinh lớp 10

- Số lượng học sinh: 335 học sinh, được biên chế thành 10 lớp.
- Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Học sinh bắt buộc học 08 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc bao gồm: Ngữ văn; Toán; Tiếng Anh; Lịch sử; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục thể chất; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục địa phương.
- Các môn học lựa chọn và chuyên đề học tập:
 - + Đối với lớp chuyên Toán, Ngữ văn, Lịch sử: Học sinh lựa chọn học 04 môn học trong 09 môn học lựa chọn; đối với Chuyên đề học tập lựa chọn, ngoài cụm chuyên đề học tập lựa chọn thuộc chương trình môn chuyên, học sinh chọn 02 cụm chuyên đề học tập lựa chọn của 02 môn học khác môn chuyên trong 04 môn học đã lựa chọn và các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử.
 - + Đối với lớp chuyên Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học: Học sinh lựa chọn học 03 môn học (*khác môn chuyên*) trong 09 môn học lựa chọn; đối với Chuyên đề học tập lựa chọn, ngoài cụm chuyên đề học tập lựa chọn thuộc chương trình môn chuyên, học

sinh chọn 02 cụm chuyên đề học tập của 02 môn học trong 06 môn học gồm 03 môn học đã lựa chọn và các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử.

+ Đối với lớp chuyên Ngoại ngữ (tiếng Anh): Học sinh lựa chọn 04 môn học trong 09 môn học lựa chọn; đối với Chuyên đề học tập lựa chọn, học sinh chọn 03 cụm chuyên đề học tập lựa chọn của 03 môn học trong 07 môn học, gồm 04 môn học đã lựa chọn và các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử.

Cụ thể:

Stt	Lớp	Môn học lựa chọn	Chuyên đề học tập lựa chọn
1	10 Văn	Địa lí, GD KT-PL, Vật lí, Tin học	Toán, Ngữ văn, Địa lí
2	10 Anh1	Địa lí, GD KT-PL, Vật lí, Tin học	Toán, Vật lí, Ngữ văn
3	10 Anh2	Địa lí, GD KT-PL, Vật lí, Tin học	Toán, Vật lí, Ngữ văn
4	10 Toán	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Vật lí, Hóa học
5	10 Lí	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ Lí (định hướng công nghiệp)	Toán, Vật lí, Hóa học
6	10 Hóa	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Hóa học, Sinh học
7	10 Sinh	Vật lí, Hóa học, Sinh học, GD KT-PL	Toán, Hóa học, Sinh học
8	10 Tin	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Vật lí, Tin học
9	10 Sử	Địa lí, GD KT-PL, Vật lí, Tin học	Toán, Vật lí, Lịch sử
10	10 Địa	Vật lí, Hóa học, Địa lí, GD KTPL	Toán, Vật lí, Địa lí

- Môn học tự chọn: Tiếng Nhật. Lớp học: 10N1 và 10N2 phân chia lớp theo nguyện vọng đăng kí của học sinh.

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 10 sử dụng trong nhà trường năm học 2025-2026

1	Ngữ văn 10, tập 1	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phạm Ngọc Lan, Tăng Thị Tuyết Mai, Đinh Phan Cẩm Vân.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 10, tập 2	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên) Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Trần Lê Hoa Tranh, Đoàn Thị Thu Vân.	Giáo dục Việt Nam
2	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Văn Tùng (Đồng Chủ biên), Lê Thị Ngọc Anh, Trần Lê Duy, Võ Thị Phúc Hồng, Trần Minh Hương, Huỳnh Vũ Lam, Hồ Trần Ngọc Oanh.	Giáo dục Việt Nam

3	Toán 10, tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng.	Giáo dục Việt Nam
	Toán 10, tập 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng.	Giáo dục Việt Nam
4	Chuyên đề học tập Toán 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên), Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng.	Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 10: Cầu lông	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Ngô Việt Hoàn (Chủ biên), Nguyễn Hữu Bình, Mai Thị Noãn, Trần Văn Vinh.	Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục thể chất 10: Bóng đá	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyền.	Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục thể chất 10: Bóng chuyền	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng.	Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục thể chất 10: Bóng rổ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Đặng Hà Việt.	Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử 10	Cánh Điền	Đỗ Thanh Bình, (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Nguyễn Thu Hiền, Tống Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Mạnh Hường.	Đại học Sư phạm
7	Chuyên đề học tập Lịch sử 10	Cánh Điền	Đỗ Thanh Bình, (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế	Đại học Sư phạm

			Bình, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Thu Hiền.	
8	Địa lí 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Lê Huỳnh, Nguyễn Việt Khôi (Đồng Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Vũ Thị Hằng, Trần Thị Hồng Mai, Nguyễn Phương Thảo.	Giáo dục Việt Nam
9	Chuyên đề học tập Địa lí 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đặng Tiên Dung, Đào Ngọc Hùng.	Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan.	Giáo dục Việt Nam
11	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan.	Giáo dục Việt Nam
12	Vật lí 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Gia Thịnh (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Tô Giang, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Văn Thụ.	Giáo dục Việt Nam
13	Chuyên đề học tập Vật lí 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quang Báo (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải.	Giáo dục Việt Nam
14	Hóa học 10	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
15	Chuyên đề học tập Hóa học 10	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
16	Sinh học 10	Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Lê Thị Phương Hoa, Ngô Văn Hưng, Trần Thị Thúy, Đoàn Văn Thược.	Đại học Sư phạm
17	Chuyên đề học tập Sinh học 10	Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Phan Duệ Thanh, Trần Thị Thúy, Nguyễn Thị Hồng Vân.	Đại học Sư phạm

18	Tin học 10	Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Đỗ Đức Đông, Nguyễn Đình Hóa, Lê Minh Hoàng, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung, Nguyễn Thanh Tùng.	Đại học Sư phạm
19	Chuyên đề học tập Tin học 10: Khoa học máy tính	Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hoàng Văn Đông, Trần Quốc Long.	Đại học Sư phạm
	Chuyên đề học tập Tin học 10: Tin học ứng dụng	Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Phạm Đăng Hải, Nguyễn Thanh Tùng.	Đại học Sư phạm
20	Công nghệ trồng trọt 10	Cánh Diều	Nguyễn Tất Thắng (Tổng chủ biên), Trần Thị Minh Hằng (Chủ biên), Vũ Thanh Hải, Nguyễn Công Ước, Bùi Thị Hải Yến.	Đại học Huế
	Thiết kế và Công nghệ 10	Cánh Diều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng chủ biên), Nguyễn Thế Công (Chủ biên), Nguyễn Trọng Doanh, Ngô Văn Thanh, Tống Ngọc Tuấn, Chu Văn Vượng.	Đại học Huế
21	Chuyên đề Công nghệ trồng trọt	Cánh Diều	Nguyễn Tất Thắng (Tổng chủ biên), Trần Thị Minh Hằng (Chủ biên), Vũ Thanh Hải, Bùi Thị Hải Yến.	Đại học Huế
	Chuyên đề Thiết kế và Công nghệ	Cánh Diều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng chủ biên), Nguyễn Thế Công (Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Lan, Ngô Văn Thanh, Nguyễn Cẩm Thanh, Chu Văn Vượng.	Đại học Huế
22	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp	Cánh Diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Hoàng Gia Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Hồng, Bùi Thanh Xuân.	Đại học Huế
23	Giáo dục quốc phòng và an ninh 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Ngô Gia Bắc, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Hoàng Việt Long, Vũ Văn Ninh, Doãn Văn Nghĩa.	Giáo dục Việt Nam
24	Tiếng Anh	Tiếng Anh 10 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Hoàng Thị Xuân Hoa (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phượng.	Giáo dục Việt Nam

b) Đối với học sinh lớp 11

- Số lượng học sinh: 302, được biên chế thành 09 lớp.

- Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Học sinh bắt buộc học 08 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc bao gồm: Ngữ văn; Toán; Tiếng Anh; Lịch sử; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục thể chất; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục địa phương.

- Các môn học lựa chọn và chuyên đề học tập:

+ Đối với lớp chuyên Toán, Ngữ văn: Học sinh lựa chọn học 04 môn học trong 09 môn học lựa chọn; đối với Chuyên đề học tập lựa chọn, ngoài cụm chuyên đề học tập lựa chọn thuộc chương trình môn chuyên, học sinh chọn 02 cụm chuyên đề học tập lựa chọn của 02 môn học khác môn chuyên trong 04 môn học đã lựa chọn và các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử.

+ Đối với lớp chuyên Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học: Học sinh lựa chọn học 03 môn học (*khác môn chuyên*) trong 09 môn học lựa chọn; đối với Chuyên đề học tập lựa chọn, ngoài cụm chuyên đề học tập lựa chọn thuộc chương trình môn chuyên, học sinh chọn 02 cụm chuyên đề học tập của 02 môn học trong 06 môn học gồm 03 môn học đã lựa chọn và các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử.

+ Đối với lớp chuyên Ngoại ngữ (tiếng Anh): Học sinh lựa chọn 04 môn học trong 09 môn học lựa chọn; đối với Chuyên đề học tập lựa chọn, học sinh chọn 03 cụm chuyên đề học tập lựa chọn của 03 môn học trong 07 môn học, gồm 04 môn học đã lựa chọn và các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử.

+ Đối với lớp không chuyên: Học sinh lựa chọn 04 môn học trong 09 môn học lựa chọn; đối với Chuyên đề học tập lựa chọn, học sinh chọn 03 cụm chuyên đề học tập lựa chọn của 03 môn học trong 07 môn học, gồm 04 môn học đã lựa chọn và các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử.

Cụ thể:

Stt	Lớp	Môn học lựa chọn	Chuyên đề học tập lựa chọn
1	11 Văn	Địa lí, GD KT-PL, Vật lí, Tin học	Toán, Ngữ văn, Địa lí
2	11 Anh1	Địa lí, GD KT-PL, Vật lí, Tin học	Toán, Vật lí, Ngữ văn
3	11 Anh2	Địa lí, GD KT-PL, Vật lí, Tin học	Toán, Vật lí, Ngữ văn
4	11 Toán	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Vật lí, Hóa học
5	11 Lí	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ Lí (định hướng công nghiệp)	Toán, Vật lí, Hóa học
6	11 Hóa	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ Lí (định hướng công nghiệp)	Toán, Hóa học, Sinh học
7	11 Sinh	Vật lí, Hóa học, Sinh học, GD KT-PL	Toán, Hóa học, Sinh học
8	11 Tin	Vật lí, Hóa học, Công nghệ (định hướng công nghiệp), Tin học	Toán, Vật lí, Tin học
9	11 Sử	Địa lí, GD KT-PL, Vật lí, Tin học	Toán, Vật lí, Lịch sử

- Môn học tự chọn: Tiếng Nhật. Lớp học: 11N1 theo nguyện vọng đăng kí của HS.

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 11 sử dụng trong nhà trường năm học 2025-2026:

1	Ngữ văn 11	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi (chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Thu Hiền, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Đinh Phan Cẩm Vân, Phan Thu Vân, Trần Lê Hoa Tranh, Đoàn Lê Giang, Phạm Ngọc Lan	Giáo dục Việt Nam
2	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi (chủ biên), Trần Lê Duy, Đoàn Lê Giang, Phạm Ngọc Lan, Tăng Thị Tuyết Mai.	Giáo dục Việt Nam
3	Toán 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên); Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên); Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn.	Giáo dục Việt Nam
4	Chuyên đề học tập Toán 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (đồng chủ biên), Lê Văn Cường, Phạm Anh Minh	Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Tổng chủ biên) Nguyễn Duy Quyết, chủ biên: Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Hữu Bích, Mai Thị Ngoãn, Trần Văn Vinh, Nguyễn Văn Hùng, Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Nhất Hải, Nguyễn Duy Tuyền, Trần Ngọc Minh, Trịnh Hữu Lộc.	Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử 11	Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Nguyễn Mạnh Hương, Vũ Đức Liêm	Đại học Sư phạm
7	Chuyên đề học tập Lịch sử 11	Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Nguyễn Mạnh Hương, Vũ Đức Liêm	Đại học Sư phạm

8	Địa lí 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Vũ Hà (Chủ biên), Trần Thị Thanh Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Thu Phương, Phạm Thị Ngọc Quỳnh, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
9	Chuyên đề học tập Địa lí 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh (tổng chủ biên), Nguyễn Thị Vũ Hà (chủ biên), Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Ngọc Quỳnh	Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (Đồng chủ biên) Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà	Giáo dục Việt Nam
11	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Hôi.	Giáo dục Việt Nam
12	Vật lí 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Nguyễn Chính Cường, Tô Giang, Đặng Thanh Hải, Vũ Thúy Hằng, Bùi Gia Thịnh.	Giáo dục Việt Nam
13	Chuyên đề học tập Vật lí 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Trương Duy Hải, Bùi Trung Ninh, Phạm Văn Vĩnh	Giáo dục Việt Nam
14	Hóa học 11	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Chủ biên); Đặng Thị Thuận An; Nguyễn Đình Độ; Nguyễn Xuân Hồng Quân; Phạm Ngọc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
15	Chuyên đề học tập Hóa học 11	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Chủ biên); Đặng Thị Thuận An; Nguyễn Đình Độ; Nguyễn Xuân Hồng Quân; Phạm Ngọc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
16	Sinh học 11	Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Cao Phi Bằng, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Ngô Văn Hưng, Đoàn Văn Thược, Lê Thị Tuyết.	Đại học Sư phạm
17	Chuyên đề học tập Sinh học 11	Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Cao Phi Bằng, Ngô Văn Hưng, Nguyễn Thị Trung Thu, Đoàn Văn Thược.	Đại học Sư phạm
18	Tin học 11	Cánh Diều	KHOA HỌC MÁY TÍNH: Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa (Chủ biên), Hoàng Văn Đông, Hồ Cẩm Hà, Lê Minh Hoàng, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thanh Tùng	Đại học Sư phạm

19	Chuyên đề học tập Tin học 11: Khoa học máy tính	Cánh Diều	KHOA HỌC MÁY TÍNH: Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Đỗ Đức Đông (Chủ biên), Nguyễn Khánh Phương, Đỗ Phan Thuận	Đại học Sư phạm
20	Công nghệ chăn nuôi 11	Cánh Diều	Nguyễn Tất Thắng (Tổng chủ biên), Dương Văn Nhiệm (Chủ biên), Dương Thị Hoàn, Nguyễn Thị Tuyết Lê, Nguyễn Thị Vinh.	Đại học Huế
	Công nghệ cơ khí 11	Cánh Diều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phí Trọng Hùng, Tạ Tuấn Hưng, Nguyễn Thị Mai Lan, Nguyễn Hồng Lĩnh, Ngô Văn Thanh.	Đại học Huế
21	Chuyên đề Công nghệ chăn nuôi 11	Cánh Diều	Nguyễn Tất Thắng (Tổng chủ biên), Dương Văn Nhiệm (Chủ biên), Dương Thị Hoàn, Nguyễn Thị Tuyết Lê, Nguyễn Thị Vinh.	Đại học Huế
	Chuyên đề công nghệ cơ khí 11	Cánh Diều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Lan, Nguyễn Hồng Lĩnh, Nguyễn Cẩm Thanh, Chu Văn Vượng.	Đại học Huế
22	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 11	Cánh Diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy (Chủ biên), Nguyễn Nam Phương, Trần Thị Lệ Thu, Bùi Thanh Xuân	Đại học Huế
23	Giáo dục quốc phòng và an ninh 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nghiêm Viết Hải (Tổng chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Hoàng Ngọc Bình, Doãn Xuân Hùng, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Doãn Văn Nghĩa, Thẩm Hoàng Tú.	Giáo dục Việt Nam
24	Tiếng Anh 11	Tiếng Anh 11 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phượng	Giáo dục Việt Nam

c) Đối với học sinh lớp 12

- Số lượng học sinh: 285, được biên chế thành 08 lớp. Cụ thể:

- Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Học sinh bắt buộc học 08 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc bao gồm: Ngữ văn; Toán; Tiếng Anh; Lịch sử; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục thể chất; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục địa phương.

- Các môn học lựa chọn và chuyên đề học tập:

+ Đối với lớp chuyên Toán, Ngữ văn: Học sinh lựa chọn học 04 môn học trong 09 môn học lựa chọn; đối với Chuyên đề học tập lựa chọn, ngoài cụm chuyên đề học tập

lựa chọn thuộc chương trình môn chuyên, học sinh chọn 02 cụm chuyên đề học tập lựa chọn của 02 môn học khác môn chuyên trong 04 môn học đã lựa chọn và các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử.

+ Đối với lớp chuyên Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học: Học sinh lựa chọn học 03 môn học (*khác môn chuyên*) trong 09 môn học lựa chọn; đối với Chuyên đề học tập lựa chọn, ngoài cụm chuyên đề học tập lựa chọn thuộc chương trình môn chuyên, học sinh chọn 02 cụm chuyên đề học tập của 02 môn học trong 06 môn học gồm 03 môn học đã lựa chọn và các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử.

+ Đối với lớp chuyên Ngoại ngữ (tiếng Anh): Học sinh lựa chọn 04 môn học trong 09 môn học lựa chọn; đối với Chuyên đề học tập lựa chọn, học sinh chọn 03 cụm chuyên đề học tập lựa chọn của 03 môn học trong 07 môn học, gồm 04 môn học đã lựa chọn và các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử.

+ Đối với lớp không chuyên: Học sinh lựa chọn 04 môn học trong 09 môn học lựa chọn; đối với Chuyên đề học tập lựa chọn, học sinh chọn 03 cụm chuyên đề học tập lựa chọn của 03 môn học trong 07 môn học, gồm 04 môn học đã lựa chọn và các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử.

Cụ thể:

Stt	Lớp	Môn học lựa chọn	Chuyên đề học tập lựa chọn
1	12 Văn	Địa lí, GD KT-PL, Vật lí, Tin học	Toán, Ngữ văn, Địa lí
2	12 Anh	Địa lí, GD KT-PL, Vật lí, Hóa học	Toán, Vật lí, Ngữ văn
3	12 Toán	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Vật lí, Hóa học
4	12 Lí	Vật lí, Hóa học, Công nghệ (định hướng công nghiệp), Tin học	Toán, Vật lí, Hóa học
5	12 Hóa	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Hóa học, Sinh học
6	12 Sinh	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Hóa học, Sinh học
7	12 Tin	Vật lí, Hóa học, Công nghệ (định hướng công nghiệp), Tin học	Toán, Vật lí, Tin học
8	12 A1	Địa lí, GD KT-PL, Vật lí, Hóa học	Toán, Vật lí, Ngữ văn

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 12 sử dụng trong nhà trường năm học 2025-2026:

Stt	Tên sách	Tên bộ sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân
1	Toán 12, Tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Lê Văn Cường, Trần Mạnh Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

	Toán 12, Tập 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Lê Văn Cường, Trần Mạnh Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Toán 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Nguyễn Đạt Đăng, Nguyễn Thị Kim Sơn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Vật lí 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Trần Ngọc Chát, Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải, Trương Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lí 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Nguyễn Chính Cường, Trương Duy Hải, Phạm Văn Vĩnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Hóa học 12	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Lê Hải Đăng, Nguyễn Đình Độ, Đậu Xuân Đức, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Hóa học 12	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An, Lê Hải Đăng, Nguyễn Đình Độ, Đậu Xuân Đức, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Sinh học 12	Cánh Diều	Đình Quang Báo (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Cao Phi Bằng, Nguyễn Văn Quyền, Đoàn Văn Thược, Nguyễn Thị Hồng Vân	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: NXB Đại học Sư phạm)
	Chuyên đề học tập Sinh học 12	Cánh Diều	Đình Quang Báo (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Cao Phi Bằng, Nguyễn Văn Quyền,	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam

			Đoàn Văn Thuộc, Nguyễn Thị Hồng Vân	(Đơn vị liên kết: NXB Đại học Sư phạm)
5	Tin học 12, Khoa học máy tính	Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa (Chủ biên), Nguyễn Việt Anh, Phạm Văn Đại, Hồ Cẩm Hà, Lê Anh Ngọc	Công ty Cổ phần đầu tư xuất bản- Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
	Chuyên đề học tập Tin học 12, Khoa học máy tính	Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng chủ biên), Đỗ Phan Thuận (Chủ biên), Đỗ Đức Đông, Nguyễn Khánh Phương	Công ty Cổ phần đầu tư xuất bản- Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
6	Công nghệ 12 Công nghệ điện – Điện tử	Cánh Diều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thế Công (Chủ biên), Vũ Ngọc Châm, Phí Văn Long, Phạm Hùng Phi, Cao Văn Thành, Phạm Minh Tú	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: NXB Đại học Huế)
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12 Công nghệ điện – Điện tử	Cánh Diều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thế Công (Chủ biên), Nguyễn Phạm Thục Anh, Nguyễn Thanh Sơn	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: NXB Đại học Huế)
7	Công nghệ 12 Lâm Nghiệp – Thủy sản	Cánh Diều	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thu Thùy, Nguyễn Ngọc Tuấn (đồng Chủ biên), Dương Thị Hoàn, Phạm Thị Lam Hồng, Đoàn Thị Ninh	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: NXB Đại học Huế)
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12	Cánh Diều	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thu Thùy, Nguyễn Ngọc Tuấn (đồng Chủ biên), Dương Thị Hoàn, Phạm	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam

	Lâm Nghiệp – Thủy sản		Thị Lam Hồng, Đoàn Thị Ninh	(Đơn vị liên kết: NXB Đại học Huế)
8	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12	Cánh Diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Hồng, Bùi Thanh Xuân	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: NXB Đại học Huế)
9	Giáo dục thể chất 12- Bóng chuyền	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục thể chất 12- Bóng rổ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Lê Việt Đức	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục thể chất 12- Bóng đá	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đức Sơn (Chủ biên), Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyền	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục thể chất 12- Cầu lông	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Đỗ Minh Sơn, Trần Mình Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Ngữ văn 12, Tập 1	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phạm Ngọc Lan, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Hồng Nam, Phạm Thị Phương, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Trần Lê Hoa Tranh, Đinh Phan Cẩm Vân, Phan Thu Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 12, tập 2	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Đoàn Lê Giang, Phạm Ngọc Lan, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên), Trần Lê Duy, Đoàn Lê Giang, Phạm Ngọc Lan	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Lịch sử 12	Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Lê Hiến Chương, Nguyễn Mạnh Hương, Vũ Đức Liêm, Phạm Thị Tuyết	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
	Chuyên đề học tập Lịch sử 12	Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Lê Hiến Chương, Vũ Đức Liêm, Phạm Thị Tuyết	Công ty Cổ phần đầu tư Xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
12	Địa lí 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương, Nguyễn Tú Linh, Đỗ Thị Mùi, Lương Thị Thành Vinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Địa lí 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi,	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
14	Âm nhạc 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tống Đức Cường, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Âm nhạc 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tống Đức Cường	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

15	Mĩ Thuật 12 - Lý luận và Lịch sử MT	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Mĩ Thuật 12 - Hội họa	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Lê Trần Hậu Anh, Nguyễn Thùy Linh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Mĩ Thuật 12 - Đồ họa (Tranh in)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Trần Văn Đức, Nguyễn Thị May, Hoàng Minh Phúc	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Mĩ Thuật 12 Điêu khắc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Quách Hiền Hòa	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Mĩ Thuật 12 Thiết kế công nghiệp	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Đỗ Đông Hưng, Đỗ Đình Tuyển	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Mĩ Thuật 12 Thiết kế đồ họa	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Vương Quốc Chính	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Mĩ Thuật 12 Thiết kế thời trang	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Lê Thị Hà, Lê Nguyễn Kiều Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Mĩ Thuật 12 Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Phản, Trần Thanh Việt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Mĩ Thuật 12 Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Minh Thúy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Mĩ Thuật 12 Kiến trúc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Vũ Hồng Cương, Trần Ngọc Thanh Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

	Chuyên đề học tập Mĩ Thuật 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Đào Thị Hà, Nguyễn Thị May	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
16	Tiếng Anh 12 Global Success	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Nguyễn Thị Kim Phụng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
17	Giáo dục quốc phòng và an ninh 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nghiêm Việt Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Doãn Văn Nghĩa	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

4.2. Việc thực hiện chương trình giáo dục trung học

4.2.1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

- Về xây dựng kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy:

+ Hình thức: Xây dựng theo biểu mẫu được hướng dẫn tại Công văn số 958/SGDDĐT-GDTrH ngày 29/8/2025 của Sở GDĐT tỉnh Gia Lai về việc quy định, sử dụng hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục và đánh giá, xếp loại học sinh trung học từ năm học 2025-2026 (Phụ lục 1 - Khung kế hoạch dạy học môn học; Phụ lục 2 - Khung kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục; Phụ lục 3 - Khung kế hoạch giáo dục của giáo viên; Phụ lục 4 - Khung kế hoạch bài dạy).

+ Nội dung:

Phụ lục 1: Bao gồm kế hoạch dạy học các môn học (bắt buộc, tự chọn, chuyên đề tự chọn). Nội dung căn cứ vào chương trình tổng thể ở từng bộ môn do Bộ GDĐT ban hành. Ngoài chương trình tổng thể môn Lịch sử thực hiện theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 thì các môn học và hoạt động giáo dục khác thực hiện chương trình tổng thể môn học theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.

- Xây dựng chủ đề dạy học:

Tập hợp các đơn vị kiến thức gần nhau có mối liên hệ về lí luận, thực tiễn từ đó cấu trúc, sắp xếp lại nội dung dạy học thành chủ đề dạy học (giáo viên chịu trách nhiệm về tính khoa học, tính logic, đảm bảo theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ, phù hợp đối tượng học sinh.

- Xây dựng phân phối chương trình:

Thời lượng: Số lượng tiết cho một chủ đề nên có dung lượng vừa phải để việc biên soạn và tổ chức thực hiện khả thi, đảm bảo tổng số tiết của chương trình của từng môn sau khi biên soạn lại có chủ đề không vượt hoặc thiếu so với thời lượng quy định trong chương trình hiện hành.

Sau khi xây dựng được tên chủ đề đưa vào phân phối chương trình, tổ/nhóm chuyên môn trình Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt và ban hành chính thức phân phối chương trình mới làm cơ sở để tổ chức thực hiện dạy học, hoạt động giáo dục của đơn

vị, đồng thời xác định các biện pháp, điều kiện cần thiết để thực hiện. Đây là cơ sở pháp lý để các cấp quản lý giáo dục thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục của đơn vị.

Phụ lục 2: Khi xây dựng Khung kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, các tổ xây dựng các chủ đề như: trải nghiệm, giáo dục STEM, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, ngoại khoá... theo quy mô khối.

Thời gian hoàn thành: Tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, phân phối chương trình và trình Hiệu trưởng phê duyệt trước ngày 08/9/2025.

- Về đánh giá xếp loại học sinh: Thực hiện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 quy định về đánh giá xếp loại học sinh. Riêng môn Ngữ văn còn phải nghiên cứu thêm Công văn số 2010/SGDĐT-GDTrH ngày 25/8/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

- Về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: Đảm bảo mỗi lớp dạy cả năm 105 tiết. Trong đó: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: 35 tiết; sinh hoạt dưới cờ: 35 tiết; sinh hoạt lớp: 35 tiết.

- Về dạy học giáo dục phòng chống tham nhũng: Đảm bảo 2 tiết/năm học (01 tiết dạy ở học kì 1; 01 tiết dạy ở học kì 2) do giáo viên dạy môn Kinh tế giáo dục pháp luật phụ trách.

Phụ lục 4: Khung kế hoạch bài dạy. Khi xây dựng kế hoạch bài dạy/hoạt động giáo dục và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục (tuỳ theo các môn học/hoạt động giáo dục khác nhau), giáo viên phải thực hiện tích hợp nội dung giáo dục quyền con người, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và giáo dục đạo đức liêm chính; giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển giáo dục STEM giai đoạn 2025-2030 theo Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai, cụ thể: tập huấn chương trình giáo dục STEM 2018 và chương trình giáo dục STEM hướng nghiệp; bình đẳng giới, chăm sóc mắt và phòng chống mù, lòa; bảo tồn văn hóa dân tộc, chủ quyền biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; giáo dục qua di sản; tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyên đổi số và các nội dung giáo dục tích hợp khác; đồng thời hướng dẫn học sinh học tập kiến thức pháp luật về an toàn giao thông đường bộ trên nền tảng Bình dân học vụ số.

Lồng ghép tiết dạy đọc thư viện theo Công văn số 34/SGDĐT-GDTrH ngày 05/01/2023 của Sở GDĐT và theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

4.2.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

a) Về phương pháp:

Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với nội dung bài học để tổ chức các hoạt động học tập của học sinh bảo đảm chất lượng, dành nhiều thời gian cho học sinh khai

thác sử dụng sách giáo khoa, thực hành, thí nghiệm để tiếp nhận và vận dụng kiến thức thông qua thực hiện nhiệm vụ được giao và hoàn thành sản phẩm học tập cụ thể theo yêu cầu của giáo viên. Đa dạng các hình thức tổ chức dạy học (trong và ngoài lớp học, trong và ngoài khuôn viên nhà trường), khuyến khích các hình thức dạy học nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh. Tạo cơ hội để học sinh phát triển năng lực thông qua việc được tổ chức ôn tập, phụ đạo, bồi dưỡng học sinh giỏi, ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông; tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật, giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, tư vấn hướng nghiệp, hoạt động tình nguyện; giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, văn hóa, nghệ thuật và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

Xây dựng kế hoạch bài dạy (*giáo án*) bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; việc xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh.

Đối với môn Lịch sử, tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực; đồng thời gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh trong dạy học Lịch sử.

Đối với môn Ngữ văn, thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn theo hướng dẫn tại Công văn số 2010/SGDĐT-GDTrH ngày 25/8/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

Khuyến khích tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao trên cơ sở tự nguyện của nhà trường, cha mẹ học sinh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và nội dung học tập của học sinh trung học; tăng cường giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hoá thế giới. Tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản trong dạy học một số môn học, hoạt động giáo dục phù hợp.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học để trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018. Nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch, tổ chức sinh hoạt chuyên môn ít nhất 01 lần trong 02 tuần và có thể họp đột xuất theo yêu cầu công việc hoặc khi hiệu trưởng yêu cầu.

b) Về hình thức dạy học

Phải đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: học tập theo nhóm học sinh có cùng trình độ, sở thích; tổ chức các câu lạc bộ, hướng dẫn học sinh tự học, kết hợp giữa học tập trong lớp học và các hoạt động giáo dục ngoài lớp học, ngoài nhà trường; phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động giáo dục phù hợp nhằm hỗ trợ việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

4.2.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

Thực hiện đánh giá theo Công văn số 295/SGDĐT-GDTrH ngày 07/02/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định v/v thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với cấp THCS, THPT theo CT GDPT 2018 và các văn bản hướng dẫn mới nhất của Sở.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra, xây dựng kho dữ liệu số, học liệu e-learning theo Công văn số 530/SGDĐT-GDTrH ngày 11/8/2025 của GDĐT tỉnh Gia Lai về việc tăng cường triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số về xây dựng Kho học liệu số và Kho tài liệu số cho người dạy và người học; Kế hoạch số 260/KH-SGDĐT ngày 23/7/2025 của Sở GDĐT tỉnh Gia Lai về việc tăng cường triển khai nhiệm vụ thực hiện mô hình điểm thúc đẩy triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đề án 06 và Đề án chuyển đổi số của Sở GDĐT; Quyết định số 541/QĐ-SGDĐT ngày 31/7/2025 của Sở GDĐT ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Khung năng lực số cho người học trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030; Quyết định số 546/QĐ-SGDĐT ngày 31/7/2025 của Sở GDĐT ban hành Kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng số cho học sinh, sinh viên và xây dựng kho tài liệu số cho người dạy và người học giai đoạn 2025-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét, khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học. Việc đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá các môn học phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh. Đối với môn Ngữ văn, thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Công văn số 2010/SGDĐT-GDTrH ngày 25/8/2022 của Sở GDĐT. Không sử dụng những văn bản, đoạn trích đã được học trong sách giáo khoa để làm ngữ liệu kiểm tra đánh giá năng lực đọc hiểu và viết trong các đề kiểm tra định kì nhằm khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn.

Đối với môn Lịch sử, tăng cường các câu hỏi nhằm khai thác, sử dụng các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ; câu hỏi mở tạo điều kiện cho học sinh tự biểu đạt chính kiến của mình về các vấn đề lịch sử, hướng tới đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh, khắc phục tình trạng ghi nhớ sự kiện một cách máy móc.

Các môn học đánh giá bằng hình thức kết hợp nhận xét và điểm số: giáo viên nhận xét trong quá trình tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, có thể bằng lời nói, ghi nhận xét ngay trên bài làm, sản phẩm học tập ... của học sinh hoặc ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh của giáo viên ...; cuối học kỳ hoặc cuối năm học giáo viên bộ môn không nhất thiết ghi lại hết nhận xét tất cả học sinh lớp mình phụ trách, mà chỉ thực hiện những trường hợp đặc biệt như: nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu (nếu có); những môn học đánh giá bằng nhận xét là Đạt hoặc Chưa đạt có thể nhận xét thêm những trường hợp đặc biệt như trên.

Việc kiểm tra, đánh giá cụm chuyên đề học tập lựa chọn thực hiện theo khoản 3, Điều 6 tại Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi nhận vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh thuộc học kì khi kết thúc dạy học cụm chuyên đề học tập.

Tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ma trận, bảng đặc tả đề kiểm tra theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học; chuẩn bị cho học sinh lớp 12 làm quen với định hướng đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 theo Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cấu trúc định dạng đề thi kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025.

Chuẩn bị tốt các điều kiện để sẵn sàng thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến theo quy định, bảo đảm chất lượng, chính xác, hiệu quả, công bằng, khách quan, trung thực; đánh giá đúng năng lực của học sinh.

4.2.4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, trong đó tập trung đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp; tăng cường tư vấn hướng nghiệp theo định hướng nghề nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện giáo dục STEM theo hướng dẫn tại Công văn số 1732/SGDĐT-GDTrH ngày 28/8/2020 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học từ năm học 2020-2021 và các văn bản khác thực hiện Đề án Giáo dục STEM của tỉnh bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

Định hướng hiệu quả việc phân luồng học sinh sau trung học phổ thông theo học các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng của học sinh; tạo môi trường hỗ trợ khởi nghiệp trong trường trung học; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng về lựa chọn nghề nghiệp, khởi nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp của học sinh trung học.

4.2.5. Thực hiện giáo dục kỹ năng số, triển khai học bạ số

4.2.5.1. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục

Tham mưu, đề xuất các giải pháp triển khai hiệu quả Đề án “*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030*” phù hợp với Kế hoạch, Chương trình hành động của ngành giáo dục và Kế hoạch chuyển đổi số của nhà trường.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; phát triển kho học liệu số, học liệu mở; triển khai hệ thống quản lý học tập (LMS), hệ thống quản lý nhà trường, học bạ số, hồ sơ giáo viên điện tử.

Gắn kết hoạt động chuyển đổi số với đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực số cho viên chức quản lý, giáo viên, học sinh; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn trường.

Tổ chức các chuyên đề, hội thảo, tập huấn về kỹ năng số, kỹ năng sử dụng an toàn, hiệu quả các nền tảng số trong dạy học và nghiên cứu.

Xây dựng nội dung giáo dục kỹ năng số lồng ghép vào các môn học, hoạt động giáo dục; khuyến khích học sinh chủ động tìm kiếm, phân tích, xử lý thông tin trên môi trường số một cách an toàn và có trách nhiệm.

Phát triển các câu lạc bộ, hoạt động trải nghiệm sáng tạo liên quan đến công nghệ thông tin, STEM/STEAM, trí tuệ nhân tạo (AI), góp phần hình thành năng lực công dân số cho học sinh.

Tổ chức rà soát, cập nhật dữ liệu đầy đủ, chính xác để đồng bộ thông tin học sinh lên hệ thống học bạ điện tử theo đúng tiến độ của ngành.

Bảo đảm việc vận hành học bạ số song song với hồ sơ, sổ sách điện tử khác trong nhà trường, giảm dần hồ sơ giấy, hướng đến mục tiêu “một cửa số hóa”.

Tập huấn cho giáo viên về quy trình, kỹ năng nhập liệu, quản lý học bạ số; phối hợp với phụ huynh trong việc sử dụng học bạ điện tử để theo dõi kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

Triển khai đúng tiến độ, hiệu quả các nhiệm vụ thuộc Mô hình điểm thúc đẩy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đề án 06 và các Đề án chuyển đổi số của ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Chủ động tham gia các hoạt động, báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết theo hướng dẫn của Sở GDĐT và các cơ quan quản lý.

Tăng cường đầu tư, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện có của nhà trường theo hướng hiện đại; quan tâm phát triển hạ tầng mạng, thiết bị đầu cuối cho giáo viên và học sinh.

Đẩy mạnh tổ chức các hoạt động chuyên môn dưới hình thức trực tuyến; triển khai các nền tảng đào tạo giáo viên qua mạng, xây dựng nội dung tập huấn đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Chủ động xây dựng các kịch bản, phương án tổ chức dạy học trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh hoặc tình huống bất thường, bảo đảm duy trì giáo dục liên tục, không gián đoạn, hướng tới mục tiêu “*giáo dục trong mọi hoàn cảnh*”.

4.2.5.2. Triển khai Khung năng lực số trong giáo dục phổ thông

Tổ chức thực hiện các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh theo Quyết định số 541/QĐ-SGDĐT ngày 31/7/2025 của Sở GDĐT ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Khung năng lực số cho người học trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030, bảo đảm hình thành và phát triển các năng lực thiết yếu của công dân số, đáp ứng yêu cầu nhân lực trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn cho viên chức quản lý, giáo viên nhằm nâng cao kỹ năng số trong dạy học, quản lý và khai thác tài nguyên số.

Lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng số, công dân số, an toàn thông tin vào các hoạt động giáo dục chính khóa và ngoại khóa, qua đó giúp học sinh chủ động tiếp cận, khai thác công nghệ số một cách an toàn, sáng tạo và có trách nhiệm.

Triển khai các nhiệm vụ về học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Chi thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm đồng bộ, chính xác,

kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống liên quan của ngành giáo dục.

Thực hiện nhập liệu, cập nhật thông tin học sinh đầy đủ, kịp thời, bảo đảm tính chính xác, minh bạch; quản lý học bạ điện tử song song với hồ sơ, sổ sách điện tử khác trong nhà trường, tiến tới giảm thiểu hồ sơ giấy.

Tổ chức tập huấn cho giáo viên, nhân viên về thao tác, quy trình quản lý học bạ số, đồng thời tuyên truyền đến phụ huynh, học sinh để phối hợp theo dõi, giám sát kết quả học tập, rèn luyện thông qua hệ thống điện tử.

Tăng cường ứng dụng AI trong quản lý giáo dục: xây dựng hệ thống tự động hóa công tác hành chính, quản lý hồ sơ, sổ sách điện tử, thời khóa biểu, phân công chuyên môn, quản lý cơ sở vật chất, giảm tải cho viên chức quản lý, giáo viên.

Khai thác AI trong hoạt động chuyên môn: hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp, cá nhân hóa học tập, phát hiện học sinh cần hỗ trợ đặc biệt, phân tích dữ liệu học tập để điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp.

Sử dụng các nền tảng phân tích dữ liệu lớn nhằm đánh giá hiệu quả chính sách, chất lượng giáo dục, đồng thời cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác quản trị nhà trường.

4.2.6. Chuẩn bị, tham gia các kì thi, cuộc thi, hội thi và công tác chuẩn bị Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026

4.2.6.1. Đối với các kì thi, cuộc thi, hội thi

a) Khảo sát chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp trường

- Mục đích, yêu cầu

Nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học nói chung, đặc biệt là chất lượng hiệu quả bồi dưỡng học sinh giỏi (HSG). Đưa hoạt động bồi dưỡng HSG đi vào nền nếp, tiến hành thường xuyên, liên tục, và hiệu quả.

Phát hiện học sinh có năng khiếu ở các môn học, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, rèn luyện kỹ năng, năng lực sáng tạo của học sinh nhằm góp phần vào việc bồi dưỡng nâng cao chất lượng mũi nhọn của nhà trường. Chọn đội dự tuyển có chất lượng tham gia kỳ thi HSG lớp 12 và HSG THPT cấp tỉnh và HSG cấp Quốc gia năm học 2025-2026 đạt kết quả cao.

Nâng cao năng lực giảng dạy, kinh nghiệm công tác của giáo viên. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của giáo viên dạy đối với chất lượng của học sinh.

Phân công giáo viên dạy bồi dưỡng là những giáo viên cốt cán, giàu kinh nghiệm, giảng dạy nhiệt tình và có trách nhiệm.

Việc bồi dưỡng học sinh giỏi trong nhà trường cần phải mang tính lâu dài, tính kế thừa để đạt kết quả cao.

- Nhiệm vụ, giải pháp

Các nhóm bộ môn có trách nhiệm phát hiện và động viên học sinh tham gia dự tuyển để hình thành đội tuyển bồi dưỡng HSG của nhà trường. Công việc này mang tính liên tục hàng năm.

Đội ngũ giáo viên giảng dạy phải xây dựng kế hoạch, xây dựng nội dung chương trình và cùng phối hợp để giảng dạy theo chuyên đề phù hợp với học sinh. Nội dung chương trình và thời gian thực hiện được sự thống nhất ở nhóm chuyên môn. Trước khi tham gia kỳ thi HSG cấp tỉnh, tổ chức kiểm tra để chọn lọc đội tuyển chính thức. Đảm bảo các bộ môn đều có học sinh tham gia kỳ thi HSG cấp tỉnh đủ số lượng và đạt chỉ tiêu giao.

Việc tổ chức chọn đội tuyển chính thức thực hiện theo Văn bản hướng dẫn tổ chức thi HSG của Sở.

b) Tổ chức phong trào nghiên cứu khoa học và chọn sản phẩm dự thi Thi Khoa học-Kỹ thuật cấp tỉnh, cấp quốc gia

- Mục đích, yêu cầu

Khuyến khích học sinh trung học nghiên cứu khoa học (NCKH), vận dụng kiến thức để giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống, tạo cơ hội để học sinh giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học.

Chuẩn bị cho học sinh tác phong khoa học, năng lực nghề nghiệp và tiềm năng khởi nghiệp sau khi học xong trung học góp phần giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

Gắn hoạt động NCKH của học sinh với việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Tuyển chọn, tuyên dương và khen thưởng những học sinh có năng lực, có dự án tốt chuẩn bị cho việc tham gia cuộc thi KHKT cấp tỉnh vào tháng 01/2026.

- Nhiệm vụ, giải pháp

Các nhóm bộ môn có trách nhiệm phát hiện và động viên học sinh tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

Đội ngũ giáo viên hướng dẫn học sinh NCKH phải xây dựng kế hoạch, hỗ trợ học sinh nhiệt tình. Người bảo trợ chịu trách nhiệm về mặt pháp lý của dự án dự thi và phải ký phê duyệt Kế hoạch nghiên cứu trước khi học sinh tiến hành nghiên cứu; hỗ trợ học sinh khai đủ thông tin theo quy định.

c) Thi Hội khoẻ Phù đồng cấp trường

- Mục đích, yêu cầu

Duy trì và đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", thường xuyên tập luyện và thi đấu các môn thể thao trong học sinh để nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh.

Nhằm đánh giá công tác giáo dục thể chất trong nhà trường và phong trào hoạt động thể thao của các lớp trong toàn trường.

Phát hiện năng khiếu và những tài năng thể thao, tuyển chọn các vận động viên xuất sắc vào đội tuyển học sinh giỏi trường tham gia Đại hội Điền kinh Thể thao các cấp.

- Mục tiêu

Có ít nhất 15 giải điền kinh cấp trường.

Có ít nhất 01 giải điền kinh cấp tỉnh.

- Nhiệm vụ, giải pháp

Nhóm Giáo dục thể chất có trách nhiệm phát hiện và động viên học sinh tham gia thi điền kinh cấp trường và Hội khoẻ Phù đồng cấp tỉnh.

Đội ngũ giáo viên hướng dẫn học sinh thi điền kinh phải xây dựng kế hoạch, hỗ trợ học sinh nhiệt tình.

4.2.6.2. Đối với kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026

a) Đánh giá rút kinh nghiệm từ Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

Tổ chức đánh giá toàn diện việc triển khai các nhóm nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

Đánh giá công tác tổ chức ôn tập, chất lượng đề thi, chất lượng kết quả thi; chỉ đạo các tổ chuyên môn tiến hành đánh giá rút kinh nghiệm cụ thể đối với từng môn học.

Kết quả đánh giá là căn cứ quan trọng để xây dựng kế hoạch, nội dung, phương án ôn tập Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

b) Khảo sát nguyện vọng và xây dựng phương án dạy học, ôn tập

Tiến hành khảo sát nguyện vọng đăng ký môn thi của học sinh lớp 12, từ đó xây dựng phương án dạy học, phụ đạo và ôn tập phù hợp.

Tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp ôn tập theo từng nhóm năng lực học tập của học sinh; xây dựng kế hoạch, nội dung ôn tập theo từng giai đoạn, bảo đảm tính khoa học, khả thi và hiệu quả.

Tài liệu, nội dung ôn tập phải được Hiệu trưởng phê duyệt trước khi triển khai, đồng thời là căn cứ để kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

c) Xây dựng ngân hàng câu hỏi, ma trận đề và tổ chức thi thử

Các tổ chuyên môn phối hợp xây dựng ngân hàng câu hỏi, ma trận đề kiểm tra theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Biên soạn tài liệu, nội dung ôn tập dùng tham khảo chung trong toàn trường, tạo sự thống nhất và nâng cao hiệu quả.

Tổ chức các kỳ thi thử nhằm giúp học sinh, giáo viên và viên chức quản lý làm quen với quy chế, định dạng đề thi, từ đó giảm áp lực, bỏ ngỡ khi bước vào kỳ thi chính thức.

d) Nghiên cứu cấu trúc đề thi và chủ động hướng dẫn học sinh

Các tổ, nhóm bộ môn nghiên cứu kỹ cấu trúc, định dạng đề thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025 và căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị để xây dựng kế hoạch ôn tập sát hợp.

Biên soạn tài liệu, nội dung dạy học và ôn tập phù hợp với từng nhóm năng lực học tập và nguyện vọng môn thi tự chọn của học sinh.

Chủ động hướng dẫn học sinh tham khảo, luyện tập các dạng đề, làm quen với định hướng ra đề thi mới trong quá trình dạy học và ôn tập, nhằm nâng cao kỹ năng, bản lĩnh và sự tự tin của học sinh khi tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

4.3. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỔ CẬP GIÁO DỤC VÀ THỰC HIỆN CÔNG BẰNG TRONG TIẾP CẬN GIÁO DỤC

4.3.1. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc

a) Tham mưu, phối hợp thực hiện công tác phổ cập giáo dục và giáo dục bắt buộc

Tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục THPT, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ theo quy định của Luật Giáo dục và hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

Phối hợp với Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ của địa phương để duy trì, củng cố kết quả phổ cập; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, kiểm tra định kỳ theo quy định.

Gắn công tác phổ cập giáo dục với nhiệm vụ huy động, duy trì sĩ số học sinh ở cấp THPT, không để học sinh bỏ học, đảm bảo hoàn thành giáo dục phổ thông đúng độ tuổi.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ

Tham gia phối hợp hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm cho đội ngũ giáo viên trên địa bàn về công tác duy trì sĩ số, nâng cao chất lượng dạy học để góp phần giữ vững kết quả phổ cập.

Thực hiện công tác cập nhật dữ liệu học sinh vào hệ thống quản lý phổ cập và cơ sở dữ liệu ngành đúng, đủ, kịp thời; phối hợp cùng địa phương trong việc rà soát, đối chiếu, bổ sung dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, công nhận phổ cập.

c) Nâng cao chất lượng giáo dục gắn với phổ cập

Tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện, tăng cường bồi dưỡng học sinh giỏi, nâng cao chất lượng giáo dục bắt buộc.

Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh trong công tác quản lý, giáo dục học sinh; quan tâm đến các em có hoàn cảnh khó khăn, giúp các em hoàn thành chương trình THPT.

d) Công tác kiểm tra, công nhận phổ cập

Phối hợp với địa phương chuẩn bị hồ sơ, dữ liệu và điều kiện cần thiết phục vụ công tác kiểm tra, công nhận, công nhận lại kết quả phổ cập giáo dục các cấp.

Thực hiện tốt vai trò của trường THPT trong hệ thống giáo dục phổ thông, bảo đảm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần giữ vững kết quả phổ cập giáo dục THCS, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ trên địa bàn.

4.3.2. Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục dân tộc

a) Quán triệt, tuyên truyền chính sách giáo dục dân tộc

Triển khai tuyên truyền trong đội ngũ viên chức, người lao động và học sinh về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ GDĐT liên quan đến công tác giáo dục dân tộc, đặc biệt là Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 và Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021-2030.

b) Phối hợp thực hiện tại địa phương

Mặc dù Trường không có học sinh dân tộc thiểu số theo học, nhưng nhà trường có trách nhiệm tham mưu, phối hợp với Sở GDĐT và chính quyền địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ giáo dục dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Chủ động tham gia các hoạt động hỗ trợ, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm, góp phần lan tỏa tinh thần đoàn kết, bình đẳng trong giáo dục.

4.4. TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn; thực hiện nhập liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời và khai thác, sử dụng thống nhất cơ sở dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo.

Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT và quy định của UBND tỉnh; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định, tránh gây áp lực, tốn kém cho phụ huynh và học sinh.

Quản lý chặt chẽ việc sử dụng xuất bản phẩm tham khảo: Quán triệt đến đội ngũ giáo viên, nhân viên tuyệt đối không lợi dụng vị trí công tác để ép buộc hoặc vận động học sinh, cha mẹ học sinh mua sách, tài liệu tham khảo; thực hiện đúng quy định của Bộ GDĐT và Sở GDĐT.

Tăng cường quản lý việc tổ chức và tham gia các kì thi, cuộc thi, hội thi bảo đảm thiết thực, chất lượng, đúng quy định; thực hiện hiệu quả công tác tuyển sinh đầu cấp theo Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT; tổ chức tốt kì thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và tham gia các kì thi, cuộc thi cấp quốc gia, quốc tế trên tinh thần công bằng, khách quan, trung thực.

4.5. TĂNG CƯỜNG CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

4.5.1. Phát triển mạng lưới trường, lớp

Số lớp của nhà trường tăng so với các năm học trước 01 lớp. Hiện có 27 lớp. Sĩ số học sinh bình quân là 34,15 học sinh.

Giữ vững đạt chuẩn kiểm định chất lượng cấp độ 3; đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

4.5.2. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học của nhà trường tương đối đủ;

Nhà trường tận dụng tối đa cơ sở vật chất hiện có để tổ chức dạy học ngày 02 buổi, theo quy định. Tích cực khai thác tối đa các thiết bị hiện có ở các phòng chức năng và ở phòng bộ môn.

Tích cực phát triển học liệu số để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

Tăng cường ứng dụng CNTT trong xây dựng, phát triển và khai thác kho học liệu số của địa phương và ngành giáo dục; đẩy mạnh việc sử dụng học liệu số hỗ trợ giáo viên trong tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

4.5.3. Bảo đảm sách giáo khoa và tài liệu giáo dục địa phương

Chỉ đạo nhân viên thư viện tổ chức rà soát, đánh giá tình hình sử dụng sách giáo khoa hiện có tại trường, bảo đảm đủ sách giáo khoa cho học sinh, đặc biệt quan tâm đối tượng học sinh thuộc diện chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, không để học sinh nào thiếu sách giáo khoa khi bước vào năm học mới.

Thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ GDĐT, UBND tỉnh trong việc lựa chọn, sử dụng sách giáo khoa; tổ chức hiệu quả công tác cung ứng, luân chuyển, sử dụng thư viện, tủ sách dùng chung, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh trong việc mượn, đọc và sử dụng sách.

Thực hiện nghiêm túc việc lựa chọn và đưa vào sử dụng tài liệu giáo dục địa phương theo đúng hướng dẫn của Bộ GDĐT và UBND tỉnh; bảo đảm tài liệu được tổ chức dạy học phù hợp với đặc điểm tâm lý học sinh, gắn với thực tiễn văn hóa, lịch sử, kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai sau sát nhập.

Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp tài liệu giáo dục địa phương với các môn học và hoạt động giáo dục; tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, dự giờ, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng dạy học nội dung giáo dục địa phương.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình giáo dục địa phương trong nhà trường, kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

4.5.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Đội ngũ viên chức nhà trường: 75 viên chức. Tăng 08 giáo viên, nhân viên so với các năm học 2024-2025. Số viên chức hiện tại là 03 viên chức quản lý, 64 giáo viên, 08 nhân viên, đảm bảo chất lượng giáo dục.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ, nhà trường tích cực thực hiện các vấn đề sau:

Tiếp tục rà soát, bố trí, sử dụng đội ngũ giáo viên và viên chức quản lý giáo dục phù hợp với cơ cấu bộ môn, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018. Chủ động tham mưu với các cấp quản lý về công tác tuyển dụng, điều động, bổ sung nhân sự cho những môn học, vị trí còn thiếu.

Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng theo nhu cầu, gắn với việc nâng cao năng lực thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, phương pháp dạy học tích cực, dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Khuyến khích, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo chuyên đề; chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy, đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn; xây dựng cộng đồng học tập chuyên nghiệp trong nhà trường.

Tăng cường công tác đánh giá, xếp loại đội ngũ theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng; lấy kết quả bồi dưỡng, đổi mới phương pháp, chất lượng dạy học và mức độ tiến bộ của học sinh làm căn cứ đánh giá.

Quan tâm phát hiện, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán, giáo viên giỏi, giáo viên trẻ có tiềm năng; đồng thời kịp thời động viên, khen thưởng, nhân rộng điển hình tiên tiến trong giảng dạy và quản lý.

Nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm, tinh thần đổi mới, sáng tạo của đội ngũ giáo viên và viên chức quản lý, góp phần xây dựng môi trường giáo dục kỷ cương, dân chủ, nhân văn và hiệu quả.

4.5.5. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục

Các nhóm chuyên môn tự chủ, xây dựng lại kế hoạch giáo dục môn học để thích ứng với việc lồng ghép tích hợp các nội dung giáo dục theo yêu cầu và tình hình thực tiễn của năm học 2025-2026. Kế hoạch giáo dục môn học phải được Hiệu trưởng phê duyệt theo quy định, trước ngày 05/9/2025.

Nhà trường tích cực đẩy mạnh quản trị hoạt động dạy học và giáo dục gắn liền với quản trị nhân sự, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và tài chính thông qua việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Giao quyền tự chủ cho tổ chuyên môn trong việc quản lý kế hoạch giáo dục cá nhân và kế hoạch bài dạy của giáo viên, bảo đảm chất lượng, thiết thực và hiệu quả.

Tăng cường chuyển đổi số trong dạy học và quản lý. Tổ chức triển khai hiệu quả việc chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra đánh giá và quản trị nhà trường theo Kế hoạch số 260/KH-SGDĐT ngày 23/7/2025 của Sở GDĐT tỉnh Gia Lai về việc triển khai nhiệm vụ thực hiện mô hình điểm thúc đẩy triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đề án 06 và Đề án chuyển đổi số của Sở GDĐT.

Tích cực tổ chức và tham gia các kì thi, cuộc thi, hội thi bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định. Chuẩn bị tốt cho việc tổ chức kì thi tốt nghiệp THPT và các kì thi học sinh giỏi các cấp đảm bảo công bằng, khách quan, trung thực theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Đẩy mạnh công tác truyền thông: Chủ động cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương về tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đối với giáo dục trung học; tình hình và kết quả triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới đối với giáo dục trung học tạo sự đồng thuận của xã hội, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Khuyến khích giáo viên, viên chức quản lý chủ động viết và đưa tin, bài về các kết quả hoạt động của ngành; các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ các viên chức quản lý, giáo viên, học sinh, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

Đẩy mạnh tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến trong công tác dạy học và quản lý, bảo đảm tính lan tỏa, hiệu quả, thiết thực, phù hợp điều kiện địa phương; gắn với phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” nhằm tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

4.6. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA

4.6.1. Tìm hiểu yếu tố địa văn hóa với sự phát triển sử thi Tây Nguyên

- Thời gian: tháng 01 năm 2025
- Địa điểm: Hành lang phía Tây tỉnh Gia Lai (Pleiku)
- Nội dung: Tìm hiểu yếu tố địa văn hóa với sự phát triển sử thi Tây Nguyên.
- Hình thức: Dã ngoại
- Kinh phí dự trù: 5 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện: Các lớp chuyên Ngữ văn và giáo viên phụ trách

4.6.2. Window on the English-speaking World

- Chủ đề: Window on the English-speaking World
- Thời gian: Tháng 3 năm 2026
- Địa điểm: Hội trường Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
- Nội dung: Kiến thức chung về văn hóa, con người các nước nói tiếng Anh, văn nghệ tiếng Anh.
- Hình thức: Tổ chức các đội thi cho lớp chuyên và học sinh yêu thích môn tiếng Anh
- Kinh phí dự trù: 5.000.000đồng.
- Tổ chức thực hiện: Tổ Ngoại ngữ, lớp 12A và hỗ trợ từ các lớp chuyên 11 Anh1, 11 Anh2, 10 Anh1, 10 Anh2.

4.6.3. Toán học với cuộc sống

- Thời gian: Tháng 03/2026
- Địa điểm: Hội trường Lê Quý Đôn.
- Nội dung: Câu lạc bộ về Toán.
- Hình thức: Giao lưu, tọa đàm, trò chơi,...
- Kinh phí dự trù: khoảng 5 triệu đồng.
- Tổ chức thực hiện: Thầy Tâm và lớp 12T.

4.6.4. Vật lí, Công nghệ ứng dụng trong đời sống và kỹ thuật

- Thời gian: dự kiến vào tháng 05/2026.
- Địa điểm: Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (Hội trường hoặc sân bãi).
- Nội dung:
 - + Phổ biến kiến thức vật lí, công nghệ ứng dụng trong đời sống và kỹ thuật.
 - + Văn nghệ, trò chơi, đồ vui để học.
 - + Trình diễn các sản phẩm tự chế từ đồ dùng hằng ngày.
- Hình thức: sinh hoạt câu lạc bộ Vật lí – Công nghệ.
- Kinh phí dự trù: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn).
- Tổ chức thực hiện:
 - + Chia nhóm để quản lí, thực hiện các nội dung.
 - + Phối hợp với 10L, 11L, 12L để thực hiện các tiết mục văn nghệ, tổ chức các trò chơi.
 - + Liên hệ với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy chuyên các lớp để được cố vấn về các câu hỏi, kiến thức được phổ biến; hỗ trợ duyệt kế hoạch, chương trình.
 - + Phối hợp với đoàn thể, hội phụ huynh để quảng cáo, thông tin hoạt động ngoại khóa.
 - + Lập kế hoạch để LĐT phê duyệt thực hiện.

4.6.5. Hóa học với đời sống

- Thời gian: dự kiến vào tháng 02/2026.
- Địa điểm: Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (Hội trường hoặc sân bãi).
- Nội dung:
 - + Phổ biến kiến thức Hóa học được ứng dụng trong đời sống.
 - + Văn nghệ, trò chơi, đồ vui để học.
 - + Trình diễn các thí nghiệm Hóa học đẹp mắt, có ứng dụng.
- Hình thức: sinh hoạt câu lạc bộ Hóa học.
- Kinh phí dự trù: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn).
- Tổ chức thực hiện:
 - + Lớp 12H đóng vai trò tổ chức chính, thầy cô Tổ Hóa hỗ trợ về chuyên môn.
 - + Lớp 12H chia nhóm để phân công, quản lí, thực hiện các nội dung.
 - + Phối hợp với 10H, 11H để thực hiện các tiết mục văn nghệ, tổ chức các trò chơi.
 - + Liên hệ với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy chuyên các lớp để được cố vấn về các câu hỏi, kiến thức được phổ biến; hỗ trợ duyệt kế hoạch, duyệt chương trình.
 - + Phối hợp với đoàn thể, hội phụ huynh để quảng cáo, thông tin hoạt động ngoại khóa.

4.6.6. Sinh học với sức khỏe con người

- Thời gian: 15/12/2025
- Địa điểm: Hội trường trường THPT chuyên Lê Quý Đôn.
- Nội dung: “Sinh học với sức khỏe con người”
- Hình thức: Sân khấu hóa tại Hội trường trường THPT chuyên Lê Quý Đôn.
- Kinh phí dự trù: Hai triệu đồng.
- Tổ chức thực hiện: Học sinh 3 khối chuyên Sinh học (lớp 12 chuyên Sinh phụ trách chính); toàn bộ GV Nhóm Sinh học

4.6.7. Một số hiểu biết về An ninh mạng

- Thời gian: 15/03/2025
- Địa điểm: Hội trường trường THPT chuyên Lê Quý Đôn.
- Nội dung: Một số hiểu biết về An ninh mạng.
- Hình thức: Báo cáo trực tiếp trên Hội trường.
- Kinh phí dự trù: Hai triệu đồng.
- Tổ chức thực hiện: Cả tổ.

4.6.8. Ngoại khóa tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2025

- Thời gian: 11/2025
- Địa điểm: Hội trường trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
- Nội dung: Ngoại khóa tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2025.

- Hình thức: Sân khấu hóa
- Kinh phí dự trù: 11.000.000 đồng.
- Tổ chức thực hiện: Tổ Lịch sử - Địa Lí – GDKT&PL + Đoàn thanh niên

4.7. TỔ CHỨC DẠY HỌC 02 BUỔI/NGÀY

4.7.1. Phạm vi áp dụng: Học sinh toàn trường từ khối 10 đến khối 12.

4.7.2. Tổ chức dạy học

- Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, lựa chọn, chuyên đề học tập ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Học buổi sáng 25 tiết/5 buổi, từ sáng Thứ 2 đến sáng Thứ 6; học buổi chiều số tiết còn lại của Chương trình chính khóa.

- Buổi 2: Tổ chức học tập môn tự chọn Tiếng Nhật, tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi 150 tiết/lớp chuyên/khối; ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông; tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật, tổ chức hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn, giáo dục STEM hướng nghiệp, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, tư vấn hướng nghiệp, hoạt động tình nguyện; giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, văn hóa, nghệ thuật và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

* Kế hoạch chi tiết cho Buổi 2: Chiều Thứ 2 và chiều Thứ 4: Dạy Bồi dưỡng HSG. Chiều Thứ 3,5,6 và sáng Thứ 7: Tổ chức các môn học và hoạt động còn lại.

4.7.3. Điều kiện đảm bảo

a. Về đội ngũ giáo viên, nhân viên

- Bảo đảm đủ số lượng, cơ cấu giáo viên, nhân viên đối với môn học và hoạt động giáo dục theo quy định hiện hành.

- Sắp xếp, điều tiết giáo viên giữa các tổ chuyên môn nhằm khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ để thực hiện dạy học các môn trải nghiệm, hướng nghiệp và Nội dung Giáo dục địa phương cho phù hợp.

b. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và kinh phí: Đầu tư cơ sở vật chất, khối phòng học tập, nhà đa năng, thư viện, sân chơi, bãi tập, khu vực hoạt động ngoài trời, ... theo quy định hiện hành.

4.7.4. Tiến độ thực hiện

a. Tháng 8/2025

- Phân công giáo viên, bố trí thời khóa biểu cho từng khối lớp.
- Tuyên truyền đến học sinh, phụ huynh về mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức.

b. Tháng 9 - 12/2025 (Học kỳ I)

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo kế hoạch.
- Tập trung: Thực hiện Chương trình GDPT 2018, Bồi dưỡng HSG dự thi HSG Quốc gia, tổ chức các câu lạc bộ, hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống.

- Định kỳ hàng tháng, tổ chuyên môn và Lãnh đạo trường kiểm tra, đánh giá hiệu quả tổ chức, rút kinh nghiệm.

- Cuối học kỳ I, tiến hành sơ kết, đánh giá kết quả và điều chỉnh kế hoạch (nếu cần).

c. Tháng 01 - 5/2026 (Học kỳ II)

- Tiếp tục dạy học 2 buổi/ngày; chú trọng bồi dưỡng học sinh giỏi thi HSG cấp tỉnh THPT, ôn tập học sinh cuối cấp chuẩn bị thi tốt nghiệp.

- Tăng cường hoạt động trải nghiệm, văn hóa – văn nghệ – thể dục thể thao, giáo dục STEM, kỹ năng số và ngoại ngữ.

- Tổ chức các chuyên đề giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, hướng nghiệp - phân luồng học sinh sau THPT.

- Tháng 4-5/2026: Tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày trong năm học 2025-2026, báo cáo Sở GDĐT.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo trường

Xây dựng kế hoạch, chịu trách nhiệm chung trong việc chỉ đạo, điều hành toàn bộ hoạt động dạy học và giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026; xây dựng kế hoạch chi tiết theo từng giai đoạn, học kỳ; tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết để kịp thời điều chỉnh, rút kinh nghiệm.

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ chuyên môn, từng cá nhân phù hợp với năng lực, trình độ và điều kiện thực tế của trường.

2. Các tổ chuyên môn

Chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, bảo đảm tiến độ và chất lượng.

Tăng cường sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng đổi mới, chú trọng dự giờ, thao giảng, chia sẻ kinh nghiệm, ứng dụng công nghệ thông tin, giáo dục STEM, chuyển đổi số trong dạy học.

Tổ chức tốt công tác kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ; vận dụng linh hoạt các hình thức đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

3. Giáo viên chủ nhiệm

Thực hiện nhiệm vụ quản lý, giáo dục toàn diện học sinh trong lớp; nắm chắc tình hình học tập, rèn luyện của từng em.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh, giáo viên bộ môn và các lực lượng xã hội để hỗ trợ, định hướng, kịp thời giúp đỡ học sinh có khó khăn.

Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, văn hóa học đường, phòng chống bạo lực học đường; quan tâm, động viên học sinh trong các kỳ thi quan trọng.

4. Đoàn Thanh niên

Tổ chức các hoạt động phong trào, hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng, góp phần bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, rèn luyện thể chất và tinh thần cho học sinh.

Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, tổ chuyên môn để tạo môi trường học tập, rèn luyện thân thiện, tích cực, phù hợp lứa tuổi học sinh THPT.

5. Tổ Văn phòng - CNTT

Thực hiện công tác tham mưu, tổng hợp, văn thư, lưu trữ; đảm bảo phục vụ tốt hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập.

Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT; bảo đảm an toàn, tiết kiệm, đúng mục đích.

6. Phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội

Nhà trường thường xuyên phối hợp với cha mẹ học sinh thông qua họp phụ huynh, sổ liên lạc điện tử, nhóm thông tin trực tuyến nhằm trao đổi kịp thời tình hình học tập, rèn luyện của học sinh.

Tăng cường gắn kết với chính quyền địa phương, các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn trong việc giáo dục đạo đức, lối sống, hướng nghiệp cho học sinh; đồng thời bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trường học.

7. Công tác kiểm tra, đánh giá

Lãnh đạo trường xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ và đột xuất đối với các tổ, cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học.

Kết quả kiểm tra, đánh giá là cơ sở để khen thưởng, kỷ luật, đồng thời là căn cứ điều chỉnh, bổ sung kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026 của Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn. Hiệu trưởng yêu cầu toàn thể viên chức, người lao động thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung những nội dung, nhiệm vụ cụ thể, các tổ chức, đoàn thể tham mưu, phản ánh đến Lãnh đạo trường để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để b/c);
- Hội đồng trường (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng
- Đoàn TN (để ph/h);
- Các tổ chuyên môn;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Lê Minh

**PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN
T.M HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
Chủ tịch Hội đồng**



**Hiệu trưởng
Huỳnh Lê Minh**

PHỤ LỤC 1: BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 10, NĂM HỌC 2025-2026

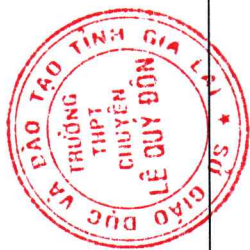
HỌC KÌ 1 (MÔN KHÔNG CHUYÊN)

Môn/Tuần (T)	T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T 14	T 15	T 16	T 17	T 18	T 19	Tổng	
	Ngữ văn	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		54
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		54	
Tiếng Anh	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		54	
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		36	
GDQP&AN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		18	
Lịch sử	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		18	
HĐTNHN	Tổ chức dạy học theo Chủ đề, theo PPCT riêng mỗi lớp																				54
GDĐP	Tổ chức dạy học theo Chủ đề, theo PPCT riêng mỗi lớp																				18
Tổng số tiết bắt buộc/Tuần	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17		306	
Vật lí	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		36	
Hóa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		36	
Sinh học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		36	
Địa lí	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		36	
KTPL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			
Công nghệ (Công nghiệp)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			



HỌC KÌ I (MÔN CHUYÊN)

Môn/Tuần (T)	T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T 14	T 15	T 16	T 17	T 18	T 19	Tổng
	Ngữ văn	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	
Toán	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6		108
Tiếng Anh	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6		108
Vật lí	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		90
Hóa học	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		90
Sinh học	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		90
Tin học	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		90
Lịch sử	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		90
Địa lí	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		90
Tổng số tiết bắt buộc/Tuần																				



HỌC KÌ 2 (MÔN CHUYÊN)

MÔN HỌC BẮT BUỘC	Môn/Tuần (T)																			Tổng	
	T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T 14	T 15	T 16	T 17	T 18	T 19		
Ngữ văn	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	102	
Toán	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	102	
Tiếng Anh	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	102	
Vật lí	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68	
Hóa học	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68	
Sinh học	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5	5	5	70	
Tin học	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5	5	5	70	
Lịch sử	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68	
Địa lí	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68	
Tổng số tiết bắt buộc/Tuần																					

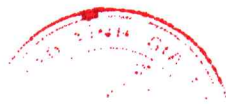




HỌC KÌ 1 (MÔN CHUYÊN)

MÔN HỌC BẮT BUỘC	Môn/TUẦN (T)																			Tổng
	T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T 14	T 15	T 16	T 17	T 18	T 19	
Ngữ văn	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	108
Toán	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	108
Tiếng Anh	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	108
Vật lí	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Hóa học	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Sinh học	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Tin học	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Lịch sử	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
	Tổng số tiết bắt buộc/Tuần																			

Môn/TUẦN (T)	T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T 14	T 15	T 16	T 17	T 18	T 19	Tổng	
Tin học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
Tổng số tiết LC/Tuần	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	136
CD học tập lựa chọn	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Môn học Tự chọn (Tiếng Nhật)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Tiết đọc thư viện	Theo kế hoạch của Thư viện																				
Tổng số tiết/Tuần	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28



Môn/TUẦN (T)	T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T 14	T 15	T 16	T 17	T 18	T 19	Tổng
Công nghệ (Công nghiệp)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
Tin học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
Tổng số tiết LC/Tuần	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	144
CD học tập lựa chọn	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Tiết đọc thư viện	Theo kế hoạch của Thư viện																			
Tổng số tiết/Tuần	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	504



HỌC KÌ 2 (MÔN CHUYÊN)

Môn/ MÔN HỌC BẮT BUỘC	Môn/Tuần (T)																			Tổng
	T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T 14	T 15	T 16	T 17	T 18	T 19	
Ngữ văn	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	102
Toán	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	102
Tiếng Anh	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	102
Vật lí	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Hóa học	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Sinh học	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5	5	5	70
Tin học	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5	5	5	5	70
Tổng số tiết bắt buộc/Tuần																				

